

Số: 4440/2023/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 24 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc **hôn nhân gia đình** thụ lý số 2698/2023/TLST-VHNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Lê Minh K**, sinh năm 1981.

- Bà **Trần Thị Thùy T**, sinh năm: 1983.

Cùng địa chỉ: **Số G Đường A, Tổ D, Khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông **Lê Minh K** và bà **Trần Thị Thùy T** tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016 và làm thủ tục đăng kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2010 ngày 06/01/2010. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông **Lê Minh K** và bà **Trần Thị Thùy T** là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc bình thường đến năm **2020** thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được. Nguyên nhân chính là do tính tình hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, về tài chính, thường xuyên cãi vã nhau, không có tiếng nói chung. Ông bà không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không thể hàn gắn được. Nay ông bà xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau được

nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông **Lê Minh K** và bà **Trần Thị Thùy T** yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà là có cơ sở.

[2] Về con chung: Có 02 người con chung tên **Lê Phi L**, sinh ngày 05/4/2015 và **Lê Ái M**, sinh ngày 27/11/2020. Hai bên thỏa thuận được ông **K** trực tiếp nuôi dưỡng người con chung **Lê Phi L**, bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng người con chung **Lê Ái M**, hai bên không cấp dưỡng nuôi con qua lại.

[3] Về tài sản chung: Ông **K** và bà **T** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông **K** và bà **T** trình bày không có.

Ngày **16 tháng 11 năm 2023**, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Minh K** và bà **Trần Thị Thùy T** thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2010 ngày 06/01/2010 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông **Lê Minh K** và bà **Trần Thị Thùy T** không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên **Lê Phi L**, sinh ngày 05/4/2015 và **Lê Ái M**, sinh ngày 27/11/2020. Ông **K** trực tiếp nuôi dưỡng người con chung **Lê Phi L**, bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng người con chung **Lê Ái M**, hai bên không cấp dưỡng nuôi con qua lại.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông **K** và bà **T** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông **K** và bà **T** trình bày không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí ông **Lê Minh K** và bà **Trần Thị Thùy T** đã nộp theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000760572 ngày 03/11/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **Lê Minh K** và bà **Trần Thị Thùy T** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Tùng